

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 586/2025/DS-ST

Ngày 23-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Kính

2. Bà Nguyễn Hồng Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thuỳ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng V; Địa chỉ trụ sở: 89 đường L, phường Đ (cũ: phường 1, quận Đ), Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Lầu 1, số 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông L, sinh năm: 1998 và ông T, sinh năm: 2002; Cùng địa chỉ liên lạc: Lầu 1, số 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng V; Theo Giấy uỷ quyền số 1477/2025/UQN ngày 28/8/2025.

2. *Bị đơn:* Ông D, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 287/39 đường A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 6 năm 2024 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng V có ông T làm đại diện trình bày: Ông D có vay vốn tại Ngân hàng V, theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN00100325 (còn gọi là LN2310020438698) và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ký ngày 29/9/2023, cụ thể: Số tiền vay là 481.604.278 đồng; Thời hạn vay: kể từ ngày 04/10/2023 đến ngày 05/9/2028. Lãi suất tại thời điểm phát vay: 29%, điều chỉnh theo thỏa thuận. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ khoản vay bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 05/11/2023. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu tại thời điểm trên là 481.640.278 đồng sang nợ quá hạn. Tổng tiền ông D thanh toán cho Ngân hàng là 14.404 đồng nợ lãi và 0 (không) đồng nợ gốc. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông D trả nợ nhưng vẫn không có phương án trả dứt nợ. Nay Ngân hàng V yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông D phải thanh toán ngay một lần, toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN00100325 (còn gọi là LN2310020438698) và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ký ngày 29/9/2023, tính đến ngày 23/9/2025 là 914.967.751 đồng; Trong đó, nợ gốc là 481.604.278 đồng, nợ lãi là 433.363.473 đồng. Buộc ông D phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN00100325 (còn gọi là LN2310020438698) và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ký ngày 29/9/2023, kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông D đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng V thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải,

đôi thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 5 của Nghị Quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Xét bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Ông L và ông T là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng V có Đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số: DSA/VN00100325 (còn gọi là LN2310020438698) và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ký ngày 29/9/2023 giữa Ngân hàng V với ông D. Nội dung thoả thuận chính: Ngân hàng V cho ông D vay số tiền là 481.604.278 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi suất: 29,00%/năm; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân là ngày 04/10/2023, ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 05/9/2028. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 05/11/2023. Nên Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 481.604.278 đồng sang nợ quá hạn. Ngân hàng V đã thông báo cho ông D về việc khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn số 2740/6/2024/TB-Bank ngày 10/6/2024. Ngân hàng V đã đưa ra các chứng cứ và tình tiết như hợp đồng, thông báo nợ, lịch sử giao dịch. Ông D đã được thông báo nhưng không có ý kiến phản hồi. Do đó, Tòa án có cơ sở để xác định các tình tiết trên là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét trong quá trình thực hiện Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số: DSA/VN00100325 (còn gọi là LN2310020438698) và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ký ngày 29/9/2023 giữa Ngân hàng V với ông D. Ông D không thanh toán các khoản nợ vay cho Ngân hàng V (toàn bộ khoản vay của ông D đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 05/11/2023); Là vi phạm thoả thuận mà hai bên đã thoả thuận ký kết, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng V là có cơ sở chấp nhận. Do đó Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 914.967.751 đồng; Trong đó, nợ gốc là 481.604.278 đồng, nợ lãi quá hạn là 433.363.473 đồng. Ngoài ra, ông D còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo đúng thoả thuận trong văn bản tín dụng nêu trên từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V là có cơ sở chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng V. Ngân hàng V không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Căn cứ vào Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Căn cứ vào Điều 5 của Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn

Chấm dứt trước hạn Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số: DSA/VN00100325 (còn gọi là LN2310020438698) và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ký ngày 29/9/2023 giữa Ngân hàng V với ông D.

Buộc ông D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền là 914.967.751 (Chín trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn bảy trăm

năm mươi một) đồng; Trong đó: Nợ gốc là 481.604.278 (Bốn trăm tám mươi một triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn hai trăm bảy mươi tám) đồng, Lãi quá hạn là 433.363.473 (Bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi ba) đồng tính đến ngày 23/9/2025; Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số: DSA/VN00100325 (còn gọi là LN2310020438698) và Giấy đề nghị kiêm phụ lục hợp đồng cho vay ký ngày 29/9/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà ông D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng V.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D phải chịu là 39.449.032 (Ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi hai) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng V không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.884.833 (Mười ba triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm ba mươi ba) đồng; Theo biên lai thu số 0030444 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 10 – TP. HCM;
- THA DS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

